TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **1094**/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ Hôn nhân gia đình thụ lý số: 1066/2026/TLST-HNGĐ ngày 02/11/2026, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Bàn Thị T**, sinh ngày 31/10/2005; CCCD số: 00830500xxxx; Cấp ngày 16/08/2021; Nơi thường trú: Thôn K, xã K1, tỉnh Tuyên Quang; Nơi tạm trú và nơi ở: Lưu Văn Bảy, thôn T, xã B, tỉnh Phú Thọ.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Anh T1,** sinh ngày 07/01/1998; CCCD số: 00109802xxxx; Cấp ngày 10/05/2021; Nơi thường trú: Cụm 10, xã T, thành phố Hà Nội

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05/11/2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hôn nhân: Chị **Bàn Thị T** và anh **Nguyễn Anh T1** thuận tình ly hôn.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

2.1. Về con chung: Chị Bàn Thị T và anh Nguyễn Anh T1 có hai con chung là Nguyễn Anh T2, sinh ngày 22/02/2022 và Bàn Nhật A, sinh ngày 21/10/2024. Ly hôn, chị T và anh T1 thỏa thuận: Giao con Nguyễn Anh T2 cho anh Nguyễn Anh T1; giao con Bàn Nhật A cho chị Bàn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo

dục con chung cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác. Chị T và anh T1 có quyền đi lại thăm hỏi, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi con chung cho chị Bàn Thị T và anh Nguyễn Anh T1 cho đến khi có yêu cầu hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác.

2.3. Về tài sản chung, công sức đóng góp, các khoản vay, cho vay tài sản của vợ chồng: Tự thỏa thuận, không đề nghị tòa giải quyết.

3. Về án phí: Chị Bàn Thị T tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số: 10420 ngày 02/11/2026 của Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 11 - Hà Nội. Trả lại chị Bàn Thị T 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 11-Hà Nội;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 11 – Hà Nội;
- UBND xã Nghiêm Xuyên, huyện Thường Tín, Hà Nội (nay là xã T, thành phố Hà Nội) Giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 22/11/2023;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Duy Trí